

DANH MỤC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM HIỆN HÀNH
VỀ MÔI TRƯỜNG
(TCVN, TCXD, TCXDVN : 1995 – 2025)

(CDCo cập nhật ngày 25/12/2025)

Ký hiệu Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
CHẤT LƯỢNG NƯỚC	
TCVN 5294:1995	Chất lượng nước- Quy tắc lựa chọn và đánh giá chất lượng nguồn tập trung cấp nước uống, nước sinh hoạt
TCVN 5295:1995	Chất lượng nước- Yêu cầu chung về bảo vệ nước mặt và nước ngầm khỏi bị nhiễm bẩn do dầu và sản phẩm dầu
TCVN 5296:1995	Chất lượng nước- Quy tắc bảo vệ nước khỏi bị nhiễm bẩn khi vận chuyển dầu và các sản phẩm dầu theo đường ống
TCVN 5298:1995	Yêu cầu chung đối với việc sử dụng nước thải và cặn lắng của chúng để tưới và làm phân bón
TCVN 5502:2003	Nước cấp sinh hoạt- Yêu cầu chất lượng
TCVN 5525:1995	Chất lượng nước- Yêu cầu chung về bảo vệ nước ngầm
TCVN 6001-1:2021	Chất lượng nước – Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau n ngày (BODn) – Phần 1: Phương pháp pha loãng và cấy có bổ sung allylthiourea
TCVN 6053:2021	Chất lượng nước – Tổng hoạt độ phóng xạ alpha – Phương pháp nguồn dày
TCVN 6219:2021	Chất lượng nước – Tổng hoạt độ phóng xạ beta – Phương pháp nguồn dày
TCVN 6225-2:2021	Chất lượng nước – Xác định clo tự do và tổng clo – Phần 2: Phương pháp so màu sử dụng N,N-dietyl-1,4- phenylendiamin cho mục đích kiểm soát thường xuyên
TCVN 6663-5:2009	Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 5: Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống
TCVN 6663-6:2018	Chất lượng nước - Lấy mẫu. Phần 6: Hướng dẫn lấy mẫu nước sông và suối
TCVN 6663-14:2018	Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý

TCVN 6773:2000	Chất lượng nước - Chất lượng nước dùng cho thủy lợi.
TCVN 6774:2000	Chất lượng nước - Chất lượng nước ngọt bảo vệ đời sống thủy sinh
TCVN 7221:2002	Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung
TCVN 7222:2002	Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
TCVN 8184-1:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 1
TCVN 8184-2:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 2
TCVN 8184-5:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 5
TCVN 8184-6:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 6
TCVN 8184-7:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 7
TCVN 8184-8:2009	Chất lượng nước. Thuật ngữ. Phần 8
TCVN 12026:2018	Chất lượng nước - Xác định oxy hoà tan - Phương pháp cảm biến quang học
TCVN 12027:2018	Chất lượng nước - Xác định xianua tự do có sẵn (pH 6) bằng phương pháp phân tích dòng chảy (FIA), khuếch tán khí và đo dòng điện
TCVN 12028:2018	Chất lượng nước. Đồng vị urani. Phương pháp thử sử dụng quang phổ alpha
TCVN 12402-2:2021	Chất lượng nước – Xác định độ đục – Phần 2: Phương pháp bán định lượng để đánh giá độ trong của nước
TCVN 12403:2020	Chất lượng nước - Xác định alkan polyclo hóa mạch ngắn (SCCPs) trong trầm tích, bùn thải và hạt lơ lửng - Phương pháp sử dụng khí - khối phổ (GC-MS) và ion hóa bẫy điện tử (ECNI)
TCVN 12959:2020	Chất lượng nước – Xác định bromat hòa tan – Phương pháp sử dụng sắc ký ion (IC) và phản ứng sau cột (PCR)
TCVN 12960:2020	Chất lượng nước – Xác định thủy ngân – Phương pháp sử dụng phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) có làm giàu và không làm giàu
TCVN 12961:2020	Chất lượng nước – Xác định pH nước biển – Phương pháp sử dụng chỉ thị màu m–crezol tím
TCVN 12962:2020	Chất lượng nước – Xác định peclorat hòa tan – Phương pháp sử dụng sắc ký ion (IC)
TCVN 12963:2020	Chất lượng nước – Xác định chọn lọc các hợp chất hữu cơ dễ bay

	hơi trong nước – Phương pháp sử dụng sắc ký khí và khối phổ bằng kỹ thuật headspace tĩnh (HS–GC–MS)
TCVN 13086:2020	Chất lượng nước - Xác định độ dẫn điện
TCVN 13088:2020	Chất lượng nước - Xác định nhiệt độ
TCVN 13089:2020	Chất lượng nước - Xác định thể oxy hóa khử
TCVN 13090:2020	Chất lượng nước - Xác định các kim loại bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa - Phương pháp ngọn lửa không khí-axetylen trực tiếp
TCVN 13092:2020	Chất lượng nước - Xác định các kim loại bằng phương pháp quang phổ plasma cảm ứng cao tần kết nối khối phổ (ICP-MS)
TCVN 13094:2020	Chất lượng nước - Xác định oxy hòa tan - Phương pháp điện cực màng
TCVN 13448:2021	Chất lượng nước – Đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng cho các phân tích tính chất tổng hợp và vật lý
TCVN 13449:2021	Chất lượng nước – Đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng cho phân tích kim loại
TCVN 13450:2021	Chất lượng nước – Xử lý sơ bộ mẫu để phân tích kim loại
TCVN 13451:2021	Chất lượng nước – Định lượng Legionella
TCVN 13452:2021	Chất lượng nước – Phát hiện và định lượng Legionella spp. và/hoặc Legionella pneumophila bằng cô đặc và khuếch đại gen nhờ phản ứng định lượng chuỗi polymerase (qPCR)
TCVN 13675:2023	Chất lượng nước - Xác định tổng cacbon hữu cơ (TOC), cacbon hữu cơ hòa tan (DOC), tổng nitơ liên kết (TNb) và nitơ liên kết hòa tan (DNb) sau khi đổi oxy hóa xúc tác ở nhiệt độ cao
TCVN 13676:2023	Chất lượng nước - Xác định phần hòa tan của một số thành phần được hoạt tính, sản phẩm chuyển hóa và các chất hữu cơ khác trong nước và nước thải đã qua xử lý - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao - Khối phổ (HPLC-MS/MS hoặc -HRMS) sau khi bơm trực tiếp
TCVN 13913:2023	Chất lượng nước – Hướng dẫn xác định khả năng phân hủy sinh học trong môi trường biển
TCVN 13914:2023	Chất lượng nước – Xác định độ độc cấp tính của trầm tích biển hoặc cửa sông đối với giáp xác amphipoda
TCVN 13915-1:2023	Chất lượng nước – Các phép đo sinh lý và sinh hóa trên cá – Phần 1: Lấy mẫu cá, xử lý và bảo quản mẫu
TCVN 13915-2:2023	Chất lượng nước – Các phép đo sinh lý và sinh hóa trên cá – Phần 2: Xác định ethoxyresorufin-o-deethylase (EROD)

TCVN 13915-3:2023	Chất lượng nước – Các phép đo sinh lý và sinh hóa trên cá – Phần 3: Xác định Vitellogenin
TCXD 188:1996	Nước thải đô thị- Tiêu chuẩn thải
TCXD 233:1999	Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt, nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt

CHẤT LƯỢNG ĐẤT

TCVN 13911:2023	Chất lượng đất - Xác định thiodiglycol trên mẫu lau bằng phương pháp chiết dung môi và sắc ký lỏng/hai lần khối phổ (LC/MS/MS)
TCVN 13912:2023	Chất lượng đất – Xác định diisopropyl methylphosphonat, axit ethyl methylphosphonic, axit isopropyl methylphosphonic, axit methylphosphonic và axit pinacolyl methylphosphonic trong đất bằng phương pháp chiết chất lỏng dưới áp suất cao và sắc ký lỏng/hai lần khối phổ (LC/MS/MS)

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

TCVN 5508:2009	Không khí vùng làm việc. Yêu cầu về điều kiện vi khí hậu và phương pháp đo
TCVN 5509:2009	Không khí vùng làm việc. Silic dioxit trong bụi hô hấp. Giới hạn tiếp xúc tối đa
TCVN 5966:2009	Chất lượng không khí- Những khái niệm chung- Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5967:1995	Chất lượng không khí- Những vấn đề chung- Các đơn vị đo
TCVN 5970:1995	Chất lượng không khí- Lập kế hoạch giám sát chất lượng không khí xung quanh
TCVN 10736-1:2015	Không khí trong nhà – Phần 1: Các khía cạnh chung của kế hoạch lấy mẫu
TCVN 10736-2:2015	Không khí trong nhà – Phần 2: Kế hoạch lấy mẫu formaldehyt
TCVN 10736-3:2015	Không khí trong nhà – Phần 3: Xác định formaldehyt và hợp chất cacbonyl khác trong không khí trong nhà và không khí trong buồng thử – Phương pháp lấy mẫu chủ động
TCVN 10736-4:2015	Không khí trong nhà – Phần 4: Xác định formaldehyt – Phương pháp lấy mẫu khuếch tán
TCVN 10736-5:2015	Không khí trong nhà – Phần 5: Kế hoạch lấy mẫu đối với hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC)
TCVN 10736-6:2023	Không khí trong nhà – Phần 6: Xác định hợp chất hữu cơ (VVOC, VOC, SVOC) trong không khí trong nhà và trong buồng thử bằng

	cách lấy mẫu chủ động trên ống hấp phụ, giải hấp nhiệt và sắc ký khí sử dụng MS hoặc MS-FID
TCVN 10736-7:2016	Không khí trong nhà – Phần 7: Chiến lược lấy mẫu để xác định nồng độ sợi amiăng truyền trong không khí
TCVN 10736-8:2016	Không khí trong nhà – Phần 8: Xác định thời gian lưu trung bình tại chỗ của không khí trong các tòa nhà để xác định đặc tính các điều kiện thông gió
TCVN 10736-9:2023	Không khí trong nhà – Phần 9: Xác định phát thải của các hợp chất hữu cơ bay hơi từ các sản phẩm xây dựng và đồ nội thất – Phương pháp buồng thử phát thải
TCVN 10736-10:2016	Không khí trong nhà – Phần 10: Xác định phát thải của hợp chất hữu cơ bay hơi từ các sản phẩm xây dựng và đồ nội thất – Phương pháp ngăn thử phát thải
TCVN 10736-11:2023	Không khí trong nhà – Phần 11: Xác định phát thải của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi từ các sản phẩm xây dựng và đồ nội thất – Lấy mẫu, bảo quản mẫu và chuẩn bị mẫu thử
TCVN 10736-12:2016	Không khí trong nhà – Phần 12: Chiến lược lấy mẫu đối với polychloro biphenyl (PCB), polychloro dibenzo – p – dioxin (PCDD), polychloro dibenzofuran (PCDF) và hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)
TCVN 10736-13:2016	Không khí trong nhà – Phần 13: Xác định tổng (pha khí và pha hạt) polychloro biphenyl giống dioxin (PCB) và polychloro dibenzo – p – dioxin/polychloro dibenzofuran (PCDD/PCDF) – Thu thập mẫu trên cái lọc được hỗ trợ bằng chất hấp phụ
TCVN 10736-14:2016	Không khí trong nhà – Phần 14: Xác định tổng (pha khí và pha hạt) polychloro biphenyl giống dioxin (PCB) và polychloro dibenzo – p – dioxin/polychlorodibenzofuran(PCDD/PCDF) – Chiết, làm sạch và phân tích bằng sắc ký khí phân giải cao và khối phổ
TCVN 10736-15:2017	Không khí trong nhà - Phần 15: Cách thức lấy mẫu nitơ dioxit
TCVN 10736-16:2017	Không khí trong nhà - Phần 16: Phát hiện và đếm nấm mốc - Lấy mẫu bằng cách lọc
TCVN 10736-17:2017	Không khí trong nhà - Phần 17: Phát hiện và đếm nấm mốc - Phương pháp nuôi cấy
TCVN 10736-18:2017	Không khí trong nhà - Phần 18: Phát hiện và đếm nấm mốc - Lấy mẫu bằng phương pháp va đập
TCVN 10736-19:2017	Không khí trong nhà - Phần 19: Cách thức lấy mẫu nấm mốc
TCVN 10736-20:2017	Không khí trong nhà - Phần 20: Phát hiện và đếm nấm mốc - Xác định số đếm bào tử tổng số

TCVN 10736-21:2017	Không khí trong nhà - Phần 21: Phát hiện và đếm nấm mốc - Lấy mẫu từ vật liệu
TCVN 10736-23:2017	Không khí trong nhà - Phần 23: Thử tính năng để đánh giá sự giảm nồng độ formaldehyt do vật liệu xây dựng hấp thu
TCVN 10736-24:2017	Không khí trong nhà - Phần 24: Thử tính năng để đánh giá sự giảm nồng độ hợp chất hữu cơ bay hơi (trừ formaldehyt) do vật liệu xây dựng hấp thu
TCVN 10736-25:2017	Không khí trong nhà - Phần 25: Xác định phát thải của hợp chất hữu cơ bán bay hơi từ các sản phẩm xây dựng - Phương pháp buồng thử nhỏ
TCVN 10736-26:2017	Không khí trong nhà - Phần 26: Cách thức lấy mẫu cacbon dioxit (CO ₂)
TCVN 10736-27:2017	Không khí trong nhà - Phần 27: Xác định bụi sợi lắng đọng trên bề mặt bằng phương pháp kính hiển vi điện tử quét (SEM) (phương pháp trực tiếp)
TCVN 10736-28:2023	Không khí trong nhà – Phần 28: Xác định phát thải mùi từ các sản phẩm xây dựng sử dụng buồng thử
TCVN 10736-29:2017	Không khí trong nhà - Phần 29: Phương pháp thử các thiết bị đo hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC) -
TCVN 10736-30:2017	Không khí trong nhà - Phần 30: Thử nghiệm cảm quan của không khí trong nhà
TCVN 10736-31:2017	Không khí trong nhà - Phần 31: Đo chất chống cháy và chất tạo dẻo trên nền hợp chất phospho hữu cơ - Este axit phosphoric
TCVN 10736-32:2017	Không khí trong nhà - Phần 32: Khảo sát toà nhà để xác định sự xuất hiện của các chất ô nhiễm
TCVN 10736-33:2017	Không khí trong nhà - Phần 33: Xác định các phtalat bằng sắc ký khí/khối phổ (GC/MS)
TCVN 10736-34:2023	Không khí trong nhà – Phần 34: Các chiến lược đo bụi trong không khí
TCVN 10736-36:2023	Không khí trong nhà – Phần 36: Phương pháp chuẩn sử dụng buồng thử nghiệm để đánh giá tốc độ giảm vi khuẩn trong không khí có thể nuôi cấy bằng máy lọc không khí
TCVN 10736-37:2023	Không khí trong nhà – Phần 37: Đo nồng độ khối lượng bụi PM _{2,5}
TCVN 10736-38:2023	Không khí trong nhà – Phần 38: Xác định các amin trong không khí trong nhà và trong buồng thử nghiệm – Lấy mẫu chủ động trên các bộ lấy mẫu có chứa phin lọc tấm axit phosphoric
TCVN 10736-39:2023	Không khí trong nhà – Phần 39: Xác định các amin – Phân tích

	các amin bằng sắc ký lỏng (siêu) hiệu năng cao kết hợp với phép đo khối phổ độ phân giải cao hoặc hai lần khối phổ
TCVN 10736-40:2023	Không khí trong nhà – Phần 40: Hệ thống quản lý chất lượng không khí trong nhà
TCVN 13446:2021	Không khí vùng làm việc – Xác định liti hydroxit, natri hydroxit, kali hydroxit và canxi dihydroxit – Phương pháp đo cation tương ứng bằng sắc ký ion triệt tiêu nền
TCVN 13447:2021	Chất lượng không khí – Nồng độ tối đa cho phép của natri hydroxit và canxi hydroxit trong không khí xung quanh
TCVN 13666:2023	Phương pháp xác định canxi, magiê, kali và natri lắng đọng ướt trong không khí bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa
TCVN 13667:2023	Lấy mẫu khí thải từ các nguồn cháy và các nguồn tĩnh khác để xác định hydro xyanua

KHÍ NHÀ KÍNH

TCVN ISO 14064-1:2025	Khí nhà kính – Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ tổ chức
TCVN ISO 14064-2:2025	Khí nhà kính – Phần 2: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án
TCVN ISO 14064-3:2025	Khí nhà kính – Phần 3: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính
TCVN ISO 14083:2025	Khí nhà kính – Định lượng và báo cáo phát thải khí nhà kính phát sinh từ vận hành chuỗi vận chuyển

THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG – QUẢN LÝ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TCVN ISO 14065:2025	Các nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận thông tin môi trường
TCVN ISO 14066:2025	Thông tin môi trường – Yêu cầu năng lực đối với đoàn xác nhận giá trị sử dụng và đoàn kiểm tra xác nhận thông tin môi trường
TCVN ISO 14068-1:2025	Quản lý biến đổi khí hậu – Chuyển đổi phát thải ròng bằng không – Phần 1: Trung hòa các-bon

CHẤT THẢI

TCVN 6696:2009	Chất thải rắn- Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường
TCVN 6705:2009	Chất thải rắn thông thường - Phân loại

TCVN 6706:2009	Chất thải nguy hại. Phân loại
TCVN 6707:2009	Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo.
TCVN 8966:2023	Chất thải - Phương pháp xác định chất rắn không tan trong chất thải lỏng hữu cơ nguy hại
TCVN 12057:2023	Chất thải - Phương pháp xác định tính ổn định và khả năng trộn lẫn của chất thải rắn, chất thải bán rắn hoặc chất thải lỏng
TCVN 13169:2020	Chất thải rắn – Xử lý hỗn hợp vôi, tro bay và chất thải kim loại nặng trong công tác chèn lấp kết cấu và các ứng dụng xây dựng khác
TCVN 13170:2020	Chất thải rắn – Đặc tính tro bay của than và tro bay của quá trình đốt than sạch cho các ứng dụng tiềm năng
TCVN 13171:2020	Chất thải rắn – Hướng dẫn sử dụng lớp phế liệu để làm nhiên liệu
TCVN 13172:2020	Chất thải rắn – Sử dụng lớp phế liệu trong các ứng dụng kỹ thuật dân dụng
TCVN 13613:2023	Lò phản ứng khí hóa xử lý chất thải rắn - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 13753:2023	Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt - Yêu cầu thiết kế
TCVN 13792:2023	Chất thải rắn - Phương pháp đo công suất của đơn vị hoạt động thu hồi tài nguyên
TCVN 13793:2023	Chất thải rắn - Phương pháp xác định tỉ trọng đồng của các phân đoạn chất thải rắn
TCVN 13920:2023	Chất thải - Lấy mẫu chất thải rắn không cố kết từ xe chở chất thải
TCVN 13921:2023	Chất thải - Lấy mẫu chất lỏng một lớp hoặc nhiều lớp, có hoặc không có chất rắn, trong thùng chứa hình trụ hoặc thùng chứa tương
TCVN 13922:2023	Chất thải - Hướng dẫn nhân viên hiện trường lấy mẫu từ thùng chứa hình trụ và thùng chứa tương tự
TCVN 13923:2023	Chất thải - Thu thập mẫu hiện trường các hợp chất hữu cơ từ các bề mặt bằng phương pháp lấy mẫu lau
TCVN 13924:2023	Chất thải - Phương pháp xác định điểm chớp cháy của chất thải lỏng bằng thiết bị thử cốc kín cỡ nhỏ
TCVN 13925:2023	Chất thải - Phương pháp xác định điểm chớp cháy của chất thải lỏng bằng thiết bị thử cốc kín Pensky-Martens
TCVN 13958:2024	Bùn thải thoát nước – Các yêu cầu quản lý kỹ thuật

TCXDVN 261:2001	Bãi chôn lấp chất thải rắn - Tiêu chuẩn thiết kế
TCXDVN 320:2004	Bãi chôn lấp chất nguy hại - Tiêu chuẩn thiết kế

PHÒNG SẠCH

TCVN 8664-1:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 1: Phân loại độ sạch không khí
TCVN 8664-2:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật để thử nghiệm và theo dõi nhằm chứng minh sự phù hợp liên tục với TCVN 8664-1 (ISO 14644-1)
TCVN 8664-3:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 3: Phương pháp thử
TCVN 8664-4:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 4: Thiết kế, xây dựng và khởi động
TCVN 8664-5:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 5: Vận hành
TCVN 8664-6:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 6: Từ vựng
TCVN 8664-7:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 7: Thiết bị phân tách (tủ hút, hộp găng tay, bộ cách ly và môi trường nhỏ)
TCVN 8664-8:2011	Phòng sạch và môi trường kiểm soát liên quan. Phần 8: Phân loại ô nhiễm phân tử trong không khí

DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN ĐÃ HỦY BỎ

Ký hiệu Tiêu chuẩn	Tên Tiêu chuẩn
TCVN 5937:2005	Chất lượng không khí – Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh.
TCVN 5938:2005	Chất lượng không khí. Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh
TCVN 5939:2005	Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
TCVN 5940:2005	Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ
TCVN 5941:1995	Chất lượng đất - Giới hạn tối đa cho phép của dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất
TCVN 5942:1995	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước mặt

TCVN 5943:1995	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước biển ven bờ
TCVN 5944:1995	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước ngầm
TCVN 5945:2005	Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải
TCVN 5949:1998	Âm học. tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư. Mức ồn tối đa cho phép
TCVN 6560:2005	Lò đốt chất thải rắn y tế. Khí thải lò đốt chất thải rắn y tế. Giới hạn cho phép
TCVN 6706:2000	Chất thải nguy hại – Phân loại
TCVN 6772:2000	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt
TCVN 6962:2001	Rung động và chấn động. Rung động do các hoạt động xây dựng và sản xuất công nghiệp. Mức tối đa cho phép đối với môi trường khu công cộng và khu dân cư
TCVN 6980:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
TCVN 6981:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
TCVN 6982:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.
TCVN 6983:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.
TCVN 6984:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.
TCVN 6985:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước hồ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.
TCVN 6986:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.
TCVN 6987:2001	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.
TCVN 6991:2001	Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong khu công nghiệp.
TCVN 6992:2001	Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng đô thị.
TCVN 6993:2001	Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng nông thôn và miền núi.

<i>TCVN 6994:2001</i>	<i>Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong khu công nghiệp.</i>
<i>TCVN 6995:2001</i>	<i>Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng đô thị.</i>
<i>TCVN 6996:2001</i>	<i>Chất lượng không khí - Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng nông thôn và miền núi</i>
<i>TCVN 7440:2005</i>	<i>Tiêu chuẩn thải ngành công nghiệp nhiệt điện</i>
<i>TCVN 7629:2007</i>	<i>Ngưỡng chất thải nguy hại</i>

